

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NGỘ DƯỠNG

ODP IV #

Date:

Ngày: August 20, 1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN VĂN NHƯT Sex: MALE
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác :
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : March 8, 1929, Quê Thiện, Vĩnh Long
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 213 LÔ G, chung cư NGÔ-GIA-TU, PHƯỜNG 3
QUẬN 10, HO CHI MINH CITY
5. Mailing Address
Địa-chỉ chỗ-lưu : ditto
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại :

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Thang/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>HÙNG, NGUYỄN THÁI</u>	<u>Apr-1, 1960</u>	<u>Quận 5, Cholon</u>	<u>Male</u>	<u>M., Son.</u>	
2. <u>Residing address:</u>	<u>233 LÔ F</u>	<u>chung cư Ngô gia Tự,</u>			
3. <u>Phường 3</u>	<u>Quận 10</u>	<u>Ho Chi Minh City</u>			
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoài Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ:

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

RANG, NGUYỄN VĂN

2. Mother

Mẹ

MAO, MAI THI (deceased)

3. Spouse

Vợ/Chồng

HON, LÊ - THI

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có)

5. Children

Con cái

(1)

HUNG, NGUYỄN THAI (male)

(2)

MINH - DIU, NGUYỄN THI (Female, deceased)

(3)

MINH HANH, NGUYỄN THI (Female)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name

Tên họ nhân-viên : NGUYỄN VĂN NHƯT

Position title

Chức-vụ : Translator / Interpreter

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng : Tappets-Abbott-McCarthy-Stratton 375 Park Ave N.Y.

Length of Employment

Thời-gian làm-việc : From: NOV. 17, 1958 To: June 30, 1967

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ: MR Norman A. Matthias, Principal Engineer

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc : Expiration of my firm's contract with MACV

2. Employee Name

Tên họ nhân-viên : NGUYỄN VĂN NHƯT

Position title

Chức-vụ : Translator

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng : PH (Public Health / USAID Vietnam

Length of Employment

Thời-gian làm-việc : From: March 20, 1968 To: April 28, 1975

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ: WILLIAM E. PAUPE, DAD PH, and Mr John Wiles

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

3. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng :

Length of Employment

Thời-gian làm-việc : From: _____ To: _____

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

F. Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham-gia: _____

2. Dates

Ngày, tháng, năm

From:

Từ

To:

Tới

3. Last Rank

Cấp-bậc cuối-cùng

Serial Number:

Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit

Số/sđ/Đơn-Vị Binh-Chương

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/ai quản
chức-huy

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Học-Kỹ
tại Việt-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bản gốc văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đúng sự có không? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoài quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates:

From

To

Ngày, tháng, năm

Từ:

Tới:

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training? :

AI đài-thọ chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

2. Time in Reeducation: From:

To:

Thời gian học-tập

Từ:

Tới:

3. Still in Reeducation?* Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Please kindly authorize my son, who is married, to accompany me (his name is listed in B above) in case my application is approved. I am old, my son will work to support me so that I will not become a burden to the community.

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-ré kèm theo với bộ câu hỏi này

photocopy of USAID's Notification of Personnel Action
#16049

(Exception to SF-50 approved by
CSC and B of B July 1962)

16049

SERVICE

PS

1. NAME (CAPS) LAST-FIRST-MIDDLE NHUT, Nguyen Van		MR.-MISS-MRS. X	2. EMPLOYEE NO. & SEX M	3. BIRTH DATE (Mo. Da. Yr.) 03-08-29	4. SOCIAL SECURITY NO. FNO
5. VETERAN PREFERENCE 1 - NO 2 - 5 PT. 3 - 10 PT. DISAB. 4 - 10 PT. COMP. 5 - 10 PT. OTHER	6. TENURE 4	CODE 1-CS 4-NONE 2-FICA 5-OTHER	7. SERVICE COMP. DATE 03-20-68	8. PHYSICAL HANDICAP CODE	
9. FEGLI 1 - COVERED 2 - INELIGIBLE 3 - WAIVED		10. RETIREMENT 3-FS 4	10A. MO. & YR. OF GRADE	11. (For CSC use)	
12. NATURE OF ACTION Salary Adjustment/Position Realignment CODE Revised Local Compensation Plan		13. EFFECTIVE DATE 01-26-69	14. CIVIL SERVICE OR OTHER LEGAL AUTHORITY FSA, 1946, as amended, Sec 541; Exec Ord 10973, 1961; US State		
15. FROM: POSITION TITLE AND NUMBER Translator II A-6502-PH		16. PAY PLAN AND OCCUPATION CODE	17. GRADE FSL-11/3	18. SALARY 230,154 (44hr)	
19. NAME AND LOCATION OF EMPLOYING OFFICE DEPARTMENT OF STATE, WASHINGTON, D. C. 20520 PH/M/A - C&R (Translating Pool) AD/Local Development USAID - Saigon					

20. TO: POSITION TITLE AND NUMBER Translator III A-6502-PH	21. PAY PLAN AND OCCUPATION CODE NEXT PSI DUE	22. GRADE FSL-9/3	23. SALARY 263,120 (44hr)	WORK SCHED.
24. NAME AND LOCATION OF EMPLOYING OFFICE DEPARTMENT OF STATE, WASHINGTON, D. C. 20520 Same Same Same				

25. DUTY STATION (City-County-State) Saigon, Vietnam	26. LOCATION CODE
27. APPROPRIATION 72-FT-800	28. POSITION OCCUPIED 1 - COMPETITIVE 2 - EXCEPTED SERVICE
29. APPORTIONED POSITION FROM: TO: STATE 1 - PROVED - 1 2 - WAIVED - 2	
30. REMARKS: X A. SUBJECT TO COMPLETION OF 1 ONE YEAR PROBATIONARY (OR TRIAL) PERIOD COMMENCING 03-20-68 B. SERVICE COUNTING TOWARD CAREER (OR PERMANENT) TENURE FROM:	

SEPARATIONS: SHOW REASON BELOW, AS REQUIRED. CHECK IF APPLICABLE:

C. DURING PROBATION

D. FROM APPOINTMENT OF 6 MONTHS OR LESS

This action is subject to all applicable laws, rules and regulations and may be subject to investigation and approval by the United States Civil Service Commission or the Department. This action may be corrected or canceled if not in accordance with all requirements.

The grade of the position to which you are officially assigned may be reviewed and corrected by the Department or by the Civil Service Commission.

a. Base + 15% ELIS	302,588 pa
b. Fam Allow: W + 3	10,296
c. Total	312,884
d. TET	26,074
e. Gross	338,958 pa

31. DATE OF APPOINTMENT AFFIDAVIT (Accessions only)

34. SIGNATURE (Of officer appointing) AND TITLE

32. OFFICE MAINTAINING PERSONNEL FOLDER (If different from employing office)
USAID Local Personnel Officefor Phillip N. Legg
Personnel Officer (Local)

33. CODE EMPLOYING DEPARTMENT OR AGENCY

35. DATE

ST 01 DEPARTMENT OF STATE

01-20-69

SUBMITTING OFFICE NO. 2951

1 EMPLOYEE COPY

FROM: TRAN, JIMMY



TO: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION -
P.O. BOX 5435 -
ARLINGTON, VA 22205-0635

JAN 9 1990